

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2017/DS-ST

Ngày 15-9-2017.

V/v tranh chấp hợp đồng

Vay tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Thái.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lê Quốc Tiết.

Ông Võ Văn Long.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Thanh Mai – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Ngọc Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 73/2017/TLST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2017, về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2017/QĐXXST-DS, ngày 08 tháng 8 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 40/2017/QĐST-DS, ngày 25 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

***\* Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị P, sinh năm: 1963.

Cư trú tại: Ấp 3, xã H, huyện C, tỉnh Long An.

***- Đại diện theo ủy quyền của bà P:*** Ông Trần Văn C, sinh năm: 1967. Địa chỉ: Phường 4, thành phố T, tỉnh Long An. Theo văn bản ủy quyền ngày 24/5/2017.

\* *Bị đơn*: Bà Trần Thị D, sinh năm: 1959.

Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1959.

Cùng cư trú tại: Ấp 3, xã H, huyện C, tỉnh Long An.

(Ông C, bà D có mặt, ông T vắng mặt)

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

- Theo đơn kiện ngày 09 tháng 5 năm 2017 của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P và trong quá trình xét xử, ông Trần Văn C là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Vào ngày 20/6/2014 âm lịch, bà Nguyễn Thị P có cho bà Trần Thị D và ông Nguyễn Thanh T vay số tiền là 140.200.000 đồng, thời hạn vay là 03 tháng, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng nhưng không ghi vào giấy mượn tiền, theo giấy mượn tiền ngày 20/6/2014 âm lịch. Sau khi đến hạn bà P nhiều lần yêu cầu thanh toán nợ, bà D có trả nhiều lần cho bà P được 44.000.000 đồng tiền vốn. Bà D, ông T còn thiếu nợ tiền vốn vay của bà P là 96.200.000 đồng. Bà P nhiều lần đến nhà yêu cầu thanh toán nợ nhưng bà D hẹn mà không trả. Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị D, ông Nguyễn Thanh T phải liên đới trả số tiền nợ gốc vay là 96.200.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, số tiền này trả 01 lần trong thời gian ngắn, hai bên không thỏa thuận lãi suất chậm trả khi thi hành án.

- *Bị đơn bà Trần Thị D trình bày*: Bà không thống nhất với lời trình bày của đại diện của nguyên đơn về quá trình vay nợ giữa bà với bà P. Bà có góp hụi với bà P, bà không có vay nợ của bà P. Ngày 20/6/2014 âm lịch, bà P có lớn tiếng yêu cầu bà ký vào giấy nhận nợ đề ngày 20/6/2014 âm lịch, với nội dung còn thiếu nợ vay của bà P 140.200.000 đồng. Việc vay nợ ông T không biết. Từ ngày 13/11/2014 đến ngày 09/10/2015 bà có trả cho bà P nhiều lần được 44.000.000 đồng. Hiện nay bà còn thiếu tiền nợ của bà P là 96.200.000 đồng. Bà đồng ý thanh toán số nợ trên, nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bà xin trả dần số tiền nợ còn thiếu theo hình thức trả dần, mỗi tháng trả 3.000.000 đồng, cho đến khi xong nợ.

Sự việc đã được tổ chức hòa giải nhưng không thành.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định về thủ tục tố tụng. Các đương sự chấp hành đúng pháp luật. Riêng đối với ông Nguyễn Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng

mặt không lý do, nên cần áp dụng Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để đưa ra xét xử vắng mặt ông T.

Về nội dung vụ án: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Cần buộc bà D, ông T phải liên đới thanh toán cho bà P số nợ gốc vay là 96.200.000 đồng, khi án có hiệu lực pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Qua lời khai trình của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà Nguyễn Thị P với bà Trần Thị D và ông Nguyễn Thanh T có phát sinh tranh chấp hợp đồng vay tài sản, việc tranh chấp và thẩm quyền giải quyết được quy định tại các Điều 26, 35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý, giải quyết theo quy định. Ông Nguyễn Thanh T, theo xác nhận của Công an xã Hòa Phú, ngày 04/5/2017, ông T hiện đang có mặt tại địa phương, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các thông báo, quyết định của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó cần áp dụng các Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Thanh T.

[2] Xét thấy các đương sự khai trình thống nhất hiện nay bà D, ông T còn thiếu nợ gốc vay của bà P số tiền 96.200.000 đồng, nhưng các đương sự không thống nhất cách thức thanh toán và thời gian thanh toán. Đại diện của bà P yêu cầu bà D và ông T phải liên đới trả số nợ gốc vay là 96.200.000 đồng, phải trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Bà D đồng ý liên đới cùng với ông T trả số nợ gốc nhưng xin trả dần mỗi tháng số tiền 3.000.000 đồng cho đến khi xong nợ. Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận. Bị đơn xin trả dần là không phù hợp, bởi lẽ bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ, nay xin trả dần kéo dài thời gian thanh toán nợ, làm cho quyền lợi của nguyên đơn bị thiệt thòi nên không được chấp nhận. Đối với trách nhiệm liên đới của ông T, do bà D vay số tiền của bà P về sử dụng chung trong gia đình và số nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của bà D và ông T, nên cần buộc bà D và ông T phải liên đới trả cho bà P số nợ gốc vay là 96.200.000 đồng, khi án có hiệu lực pháp luật. Khi chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi phát sinh trên số tiền chậm trả, do các đương sự không có thỏa thuận lãi suất chậm trả nên tiền lãi được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Trần Thị D và ông Nguyễn Thanh T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội là 4.810.000 đồng ( $96.200.000 \text{ đ} \times 5\% = 4.810.000 \text{ đồng}$ ). Nguyên đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng các Điều 288, 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản của bà Nguyễn Thị P đối với bà Trần Thị D và ông Nguyễn Thanh T.

Buộc bà Trần Thị D và ông Nguyễn Thanh T phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả nợ gốc vay cho bà Nguyễn Thị P số tiền 96.200.000 đồng (Chín mươi sáu triệu, hai trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Trần Thị D và ông Nguyễn Thanh T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.810.000 đồng. Bà Nguyễn Thị P không phải chịu án phí. Bà P được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.755.000 đồng, theo biên lai

thu số 0007622 ngày 29 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**Phạm Văn Thái**